

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
 TRƯỜNG THPT KIẾN AN

KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: Toán 10

 Thời gian làm bài: 90 phút
 (không kể thời gian phát đề)

 (Đề thi có 3 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 101
PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.
Câu 1. Bất phương trình nào sau đây là bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $2x^2 - 5y - 1 > 0$. B. $x - 2y + 1 \geq 0$. C. $x - y^3 < 0$. D. $3x - y + 5z < 0$.

Câu 2. Cho ba điểm M, N, P thỏa mãn $\overrightarrow{MN} = -2\overrightarrow{MP}$. Với điểm O bất kì, đẳng thức nào dưới đây đúng?

- A. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{3}(\overrightarrow{ON} - 2\overrightarrow{OP})$. B. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{3}(\overrightarrow{ON} + 2\overrightarrow{OP})$.
 C. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{3}(-\overrightarrow{ON} + 2\overrightarrow{OP})$. D. $\overrightarrow{OM} = -\frac{1}{3}(\overrightarrow{ON} + 2\overrightarrow{OP})$.

Câu 3. Cho hình vuông $ABCD$ có cạnh là a , O là giao điểm của hai đường chéo. Tính $|\overrightarrow{OA} - \overrightarrow{CB}|$.

- A. $a\sqrt{3}$. B. $\frac{a\sqrt{2}}{2}$. C. $a\sqrt{2}$. D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$.

Câu 4. Có 100 học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi Hóa (thang điểm 20). Kết quả như sau:

Điểm	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tần số	1	1	3	5	8	13	19	24	14	10	2

Tính điểm trung bình.

- A. $\bar{x} = 15,21$. B. $\bar{x} = 15,22$. C. $\bar{x} = 15,23$. D. $\bar{x} = 15,25$.

Câu 5. Cho a, b, c là độ dài ba cạnh của tam giác ABC . Biết $b = 7$, $c = 5$, $\cos A = \frac{4}{5}$. Tính độ dài của a .

- A. $3\sqrt{2}$. B. $\frac{7\sqrt{2}}{2}$. C. $\frac{23}{8}$. D. 6.

Câu 6. Cho hình bình hành $ABCD$. Số vector khác $\vec{0}$, cùng phương với vector $\overrightarrow{AB}$ và có điểm đầu, điểm cuối là đỉnh của hình bình hành $ABCD$ là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 7. Cặp số $(x; y)$ nào sau đây **không** là nghiệm của hệ bất phương trình $\begin{cases} 3x + 4y - 1 > 0 \\ x + 2y - 3 \leq 0 \end{cases}$?

- A. $(0; 0)$. B. $(3; 0)$. C. $(-1; 2)$. D. $(2; 0)$.

Câu 8. Giá tiền của một số loại túi xách (đơn vị nghìn đồng) được cho như sau:

350 300 650 300 450 500 300 250

Tìm số trung vị của mẫu số liệu trên.

- A. 300. B. 400. C. 325. D. 450.

Câu 9. Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho tam giác ABC với $A(3; -1), B(-4; 2), C(4; 3)$. Tìm tọa độ của điểm D để $ABCD$ là hình bình hành.

- A. $D(11; 0)$. B. $D(3; -6)$. C. $D(-11; 0)$. D. $D(-3; 6)$.

Câu 10. Biết rằng $\sin x + \cos x = \frac{2}{3}$. Giá trị của biểu thức $P = \sin x \cos x$ bằng

- A. $-\frac{5}{18}$. B. $\frac{5}{9}$. C. $\frac{5}{18}$. D. $-\frac{5}{9}$.

Câu 11. Cho mệnh đề: “Có một học sinh trong lớp 10A không thích học môn Toán”. Mệnh đề phủ định của mệnh đề này là

- A. “Mọi học sinh trong lớp 10A đều không thích học môn Toán”.
- B. “Có một học sinh trong lớp 10A thích học môn Toán”.
- C. “Mọi học sinh trong lớp 10A đều thích học môn Toán”.
- D. “Mọi học sinh trong lớp 10A đều thích học môn Toán”.

Câu 12. Cho tập hợp $A = \{a; b; c; d\}$. Tập A có bao nhiêu tập con?

- A. 10. B. 16. C. 15. D. 12.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho ba tập hợp $A = (1; 5)$, $B = [2; +\infty)$ và $C = (-\infty; m + 4)$ với m là tham số thực.

- a) $A \cup B = [2; 5)$.
- b) $A \setminus B = (1; 2)$.
- c) Có đúng một giá trị nguyên của m là số lẻ để $B \cap C$ chứa đúng 7 số nguyên.
- d) $A \cap B = (1; +\infty)$.

Câu 2. Cho hình bình hành $ABCD$ có tâm O . Gọi M là điểm thỏa mãn $\overrightarrow{CM} = 2\overrightarrow{MB}$ và G là trọng tâm $\triangle ABC$.

- a) $\overrightarrow{OA} + \overrightarrow{OB} + \overrightarrow{OC} + \overrightarrow{OD} = \vec{0}$.
- b) $\overrightarrow{GA} + \overrightarrow{GC} + \overrightarrow{GD} = \frac{5}{3}\overrightarrow{OD}$.
- c) $\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} = \overrightarrow{AC}$.
- d) $\overrightarrow{AM} = \overrightarrow{AB} + \frac{1}{2}\overrightarrow{BC}$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Tại một trạm y tế của phường, người ta khảo sát độ tuổi của các trẻ em có độ tuổi dưới 15 và số liệu được ghi lại bởi bảng sau:

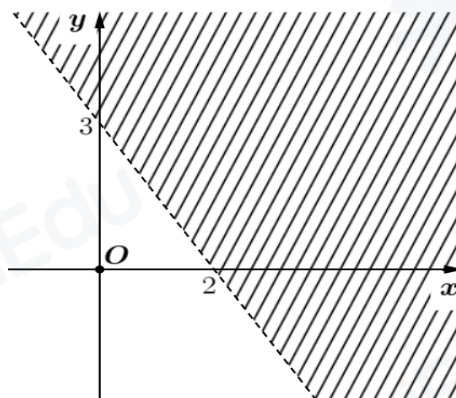
Tuổi	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Số trẻ em	1	1	2	5	3	3	2	2	1

Hãy xác định độ lệch chuẩn của mẫu số liệu trên. Làm tròn kết quả đến hàng phần trăm.

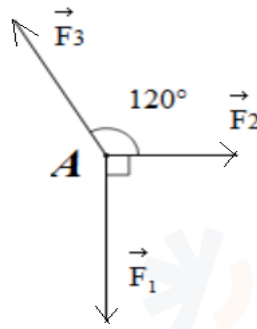
Câu 2. Cho góc α ($90^\circ < \alpha < 180^\circ$) thỏa mãn $\sin(180^\circ - \alpha) = \frac{\sqrt{7}}{4}$. Tính giá trị của biểu thức

$$A = 2\cos\alpha - 3\sin^3\alpha. \text{ (làm tròn kết quả đến hàng phần chục)}$$

Câu 3. Phần không bị gạch sọc trong hình vẽ bên dưới là miền nghiệm của bất phương trình $ax + by < 6$ với $a, b \in \mathbb{Z}$. Tính $a - 2b$.



Câu 4. Chất điểm A chịu tác động của ba lực $\vec{F}_1, \vec{F}_2, \vec{F}_3$ như hình vẽ và ở trạng thái cân bằng (tức là $\vec{F}_1 + \vec{F}_2 + \vec{F}_3 = \vec{0}$). Biết $\vec{F}_1$ có độ lớn là 30 N, hỏi độ lớn của lực $\vec{F}_3$ là bao nhiêu Niuton? (Kết quả làm tròn đến hàng phần chục)

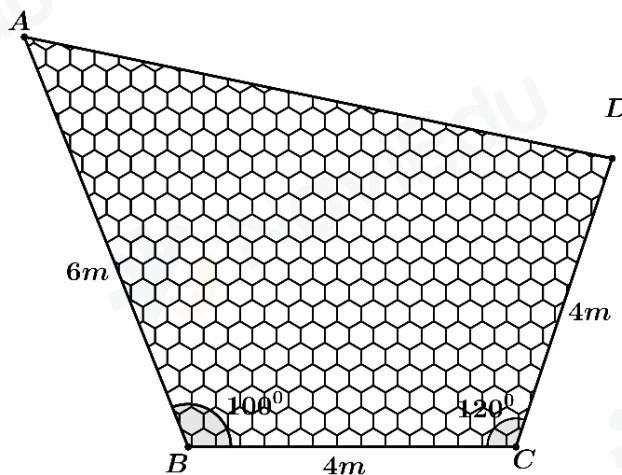


PHẦN IV. Tự luận

Câu 1: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho ba điểm $A(2;-1)$, $B(4;5)$, $C(-3;0)$. Gọi điểm M thỏa mãn $\overrightarrow{MA} + 3\overrightarrow{MB} - \overrightarrow{MC} = \vec{0}$. Tính độ dài đoạn thẳng OM .

Câu 2: Một nhà máy sản xuất hai kiểu áo trắng và áo đen. Một chiếc áo trắng cần 1,5 giờ cắt áo và 1 giờ hoàn thiện áo. Một chiếc áo đen cần 1 giờ cắt áo và 2 giờ hoàn thiện áo. Tổ cắt áo có 3 công nhân và tổ hoàn thiện áo có 4 công nhân. Biết thị trường tiêu thụ hết sản phẩm của nhà máy và lượng tiêu thụ áo đen không vượt quá 3 lần áo trắng. Biết một công nhân làm việc không quá 8 tiếng một ngày và một áo trắng lãi 15000 đồng, một áo đen lãi 18000 đồng. Hỏi trong một ngày nhà máy cần sản xuất bao nhiêu áo trắng và bao nhiêu áo đen để tiền lãi thu được nhiều nhất?

Câu 3: Người ta định lát gạch tổ ong trên mảnh đất hình tứ giác $ABCD$ như hình vẽ. Biết rằng $AB = 6m$, $BC = CD = 4m$, $\widehat{ABC} = 100^\circ$, $\widehat{BCD} = 120^\circ$ và giá lát gạch là 400 nghìn đồng trên một mét vuông bao gồm cả công thợ. Tính số tiền (đơn vị đồng) để lát gạch cả mảnh đất đó. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị.



----- HẾT -----

 (Đề thi có 3 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 102
PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.
Câu 1. Cho tập hợp $A = \{a; b; c; d; e\}$. Tập A có bao nhiêu tập con?

- A. 16. B. 32. C. 31. D. 10.

Câu 2. Biết rằng $\sin x + \cos x = \frac{1}{3}$. Giá trị của biểu thức $P = \sin x \cos x$ bằng

- A. $-\frac{4}{9}$. B. $-\frac{8}{9}$. C. $\frac{4}{9}$. D. $\frac{8}{9}$.

Câu 3. Cặp số $(x; y)$ nào sau đây **không** là nghiệm của hệ bất phương trình $\begin{cases} x + 4y - 5 > 0 \\ 2x - y + 4 \leq 0 \end{cases}$?

- A. $(0; 6)$. B. $(1; 7)$. C. $(2; 1)$. D. $(-1; 3)$.

Câu 4. Mệnh đề phủ định của mệnh đề: "Mọi hình chữ nhật đều là hình bình hành" là

- A. "Tồn tại hình chữ nhật không phải là hình bình hành".
 B. "Tồn tại hình chữ nhật là hình bình hành".
 C. "Mọi hình bình hành đều là hình chữ nhật".
 D. "Mọi hình chữ nhật đều không phải là hình bình hành".

Câu 5. Cho hình vuông $ABCD$ có cạnh là a , O là giao điểm của hai đường chéo. Tính $|\overline{OB} - \overline{DA}|$.

- A. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$. B. $a\sqrt{3}$. C. $\frac{a\sqrt{2}}{2}$. D. $a\sqrt{2}$.

Câu 6. Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho tam giác ABC với $A(1; 2)$, $B(-1; 0)$, $C(2; 0)$. Tìm tọa độ của điểm D để $ABCD$ là hình bình hành.

- A. $D(1; 2)$. B. $D(4; 2)$. C. $D(0; 2)$. D. $D(0; -2)$.

Câu 7. Điểm kiểm tra môn Tiếng Anh của một nhóm gồm 12 học sinh như sau

6,5 10 4 4,5 9 6 2 8 8,5 5 10 3

Tìm số trung vị của mẫu số liệu trên.

- A. 6,5. B. 6. C. 8. D. 6,25.

Câu 8. Bất phương trình nào sau đây là bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $x^2 - 2y + 1 \leq 0$. B. $x - 4y + z < 0$. C. $x + 3y^3 - 2 \geq 0$. D. $2x - 4y - 1 > 0$.

Câu 9. Cho hình bình hành $ABCD$. Số vector khác $\vec{0}$, cùng phương với vector $\overrightarrow{BC}$ và có điểm đầu, điểm cuối là đỉnh của hình bình hành $ABCD$ là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 10. Tiền thưởng (triệu đồng) của cán bộ và nhân viên trong một công ty được cho ở bảng dưới đây:

Tiền thưởng	2	3	4	5	6	Cộng
Tần số	5	15	10	6	4	40

Tính tiền thưởng trung bình.

- A. 3715000 đồng. B. 3725000 đồng. C. 3625000 đồng. D. 3745000 đồng.

Câu 11. Cho ba điểm M, N, P thỏa mãn $\overrightarrow{MN} = -3\overrightarrow{MP}$. Với điểm O bất kì, đẳng thức nào dưới đây đúng?

A. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{4}(\overrightarrow{ON} - 3\overrightarrow{OP})$.

B. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{4}(-\overrightarrow{ON} + 3\overrightarrow{OP})$.

C. $\overrightarrow{OM} = -\frac{1}{4}(\overrightarrow{ON} + 3\overrightarrow{OP})$.

D. $\overrightarrow{OM} = \frac{1}{4}(\overrightarrow{ON} + 3\overrightarrow{OP})$.

Câu 12. Cho a, b, c là độ dài ba cạnh của tam giác ABC . Biết $b = 3, c = 6, \cos A = \frac{3}{5}$. Tính độ dài của a .

A. $\frac{3\sqrt{95}}{5}$.

B. $\frac{117}{5}$.

C. $\frac{3\sqrt{185}}{5}$.

D. $\frac{3\sqrt{65}}{5}$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho ba tập hợp $A = [-3; 6]$, $B = [1; +\infty)$ và $C = (-\infty; m - 5)$ với m là tham số thực.

a) Có đúng một giá trị nguyên của m là số lẻ để $B \cap C$ chứa đúng 6 số nguyên.

b) $A \cup B = [-3; 1]$.

c) $A \cap B = [1; 6]$.

d) $A \setminus B = [-3; 1]$.

Câu 2. Cho hình bình hành $ABCD$ có tâm O . Gọi M là điểm thỏa mãn $\overrightarrow{CM} = 3\overrightarrow{MD}$ và G là trọng tâm $\triangle ABD$.

a) $\overrightarrow{OA} + \overrightarrow{OB} + \overrightarrow{OC} + \overrightarrow{OD} = \vec{0}$.

b) $\overrightarrow{BA} + \overrightarrow{BC} = \overrightarrow{BD}$.

c) $\overrightarrow{GB} + \overrightarrow{GC} + \overrightarrow{GD} = \frac{4}{3}\overrightarrow{OC}$.

d) $\overrightarrow{BM} = \overrightarrow{BC} + \frac{3}{4}\overrightarrow{CD}$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Số xe ô tô của một cửa hàng bán được mỗi tháng trong năm 2021 được ghi lại ở bảng sau:

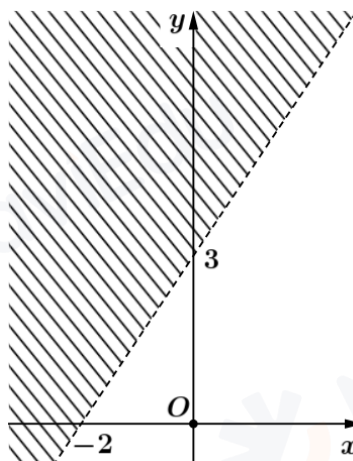
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số xe	45	28	31	34	32	35	37	33	33	35	34	37

Hãy xác định độ lệch chuẩn của mẫu số liệu trên. Làm tròn kết quả đến hàng phần trăm.

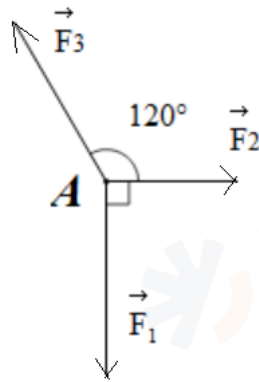
Câu 2. Cho góc α ($90^\circ < \alpha < 180^\circ$) thỏa mãn $\sin(180^\circ - \alpha) = \frac{\sqrt{21}}{5}$. Tính giá trị của biểu thức

$A = 3\cos \alpha - 4\sin^3 \alpha$. (làm tròn kết quả đến hàng phần chục)

Câu 3. Phần không bị gạch sọc trong hình vẽ bên dưới là miền nghiệm của bất phương trình $ax - 2y > b$ với $a, b \in \mathbb{Z}$. Tính $3a + 4b$.



Câu 4. Chất điểm A chịu tác động của ba lực $\vec{F}_1, \vec{F}_2, \vec{F}_3$ như hình vẽ và ở trạng thái cân bằng (tức là $\vec{F}_1 + \vec{F}_2 + \vec{F}_3 = \vec{0}$). Biết $\vec{F}_1$ có độ lớn là 40 N, hỏi độ lớn của lực $\vec{F}_3$ là bao nhiêu Niuton? (Kết quả làm tròn đến hàng phần chục)

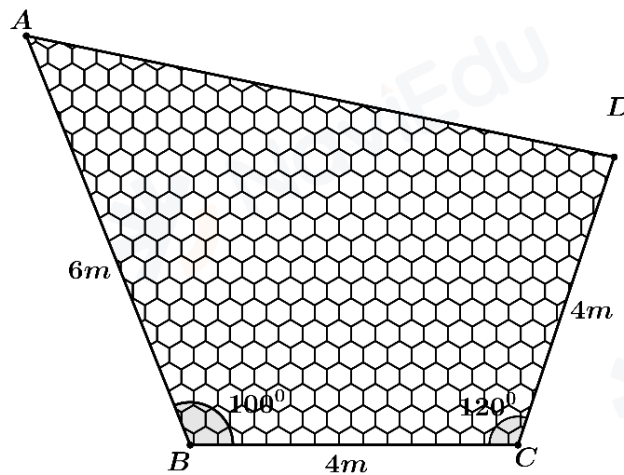


PHẦN IV. Tự luận

Câu 1: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho ba điểm $A(2;-1)$, $B(4;5)$, $C(-3;0)$. Gọi điểm M thỏa mãn $\overrightarrow{MA} + 3\overrightarrow{MB} - \overrightarrow{MC} = \vec{0}$. Tính độ dài đoạn thẳng OM .

Câu 2: Một nhà máy sản xuất hai kiểu áo trắng và áo đen. Một chiếc áo trắng cần 1,5 giờ cắt áo và 1 giờ hoàn thiện áo. Một chiếc áo đen cần 1 giờ cắt áo và 2 giờ hoàn thiện áo. Tổ cắt áo có 3 công nhân và tổ hoàn thiện áo có 4 công nhân. Biết thị trường tiêu thụ hết sản phẩm của nhà máy và lượng tiêu thụ áo đen không vượt quá 3 lần áo trắng. Biết một công nhân làm việc không quá 8 tiếng một ngày và một áo trắng lãi 15000 đồng, một áo đen lãi 18000 đồng. Hỏi trong một ngày nhà máy cần sản xuất bao nhiêu áo trắng và bao nhiêu áo đen để tiền lãi thu được nhiều nhất?

Câu 3: Người ta định lát gạch tổ ong trên mảnh đất hình tứ giác $ABCD$ như hình vẽ. Biết rằng $AB = 6m$, $BC = CD = 4m$, $\widehat{ABC} = 100^\circ$, $\widehat{BCD} = 120^\circ$ và giá lát gạch là 400 nghìn đồng trên một mét vuông bao gồm cả công thợ. Tính số tiền (đơn vị đồng) để lát gạch cả mảnh đất đó. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị.



----- HẾT -----

Phần	I	II	III			
Câu\Mã đề	101	102	103	104	105	106
1	B	B	C	C	A	A
2	B	A	B	C	D	C
3	B	C	A	A	C	C
4	C	A	D	D	A	A
5	A	C	A	A	C	D
6	A	B	C	C	B	A
7	A	D	A	D	D	D
8	C	D	B	A	B	C
9	A	A	A	B	B	A
10	A	B	B	C	A	B
11	D	D	C	A	C	A
12	B	D	B	A	C	D
1	SĐĐS	SSĐS	SĐSĐ	SĐSS	SSSĐ	SĐSĐ
2	ĐSĐS	ĐĐSĐ	ĐSSĐ	ĐĐSĐ	SĐĐĐ	ĐĐSS
1	2,04	3,97	2,04	-4,3	46,2	-1
2	-2,4	-4,3	34,6	46,2	-4,3	34,6
3	-1	-15	-2,4	3,97	-15	-2,4
4	34,6	46,2	-1	-15	3,97	2,04

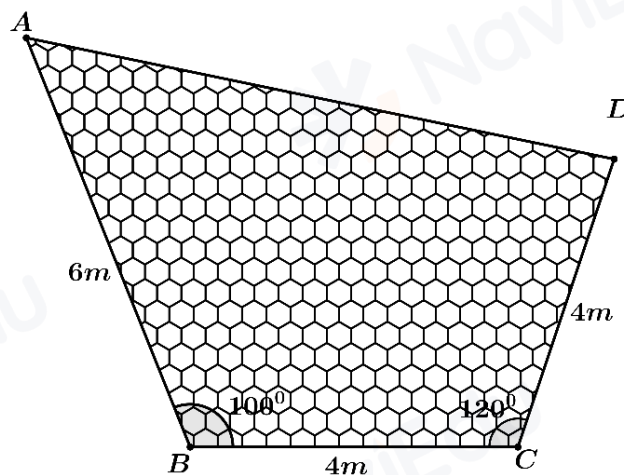


PHẦN IV. Tự luận

Câu 1: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho ba điểm $A(2;-1)$, $B(4;5)$, $C(-3;0)$. Gọi điểm M thỏa mãn $\overrightarrow{MA} + 3\overrightarrow{MB} - \overrightarrow{MC} = \vec{0}$. Tính độ dài đoạn thẳng OM .

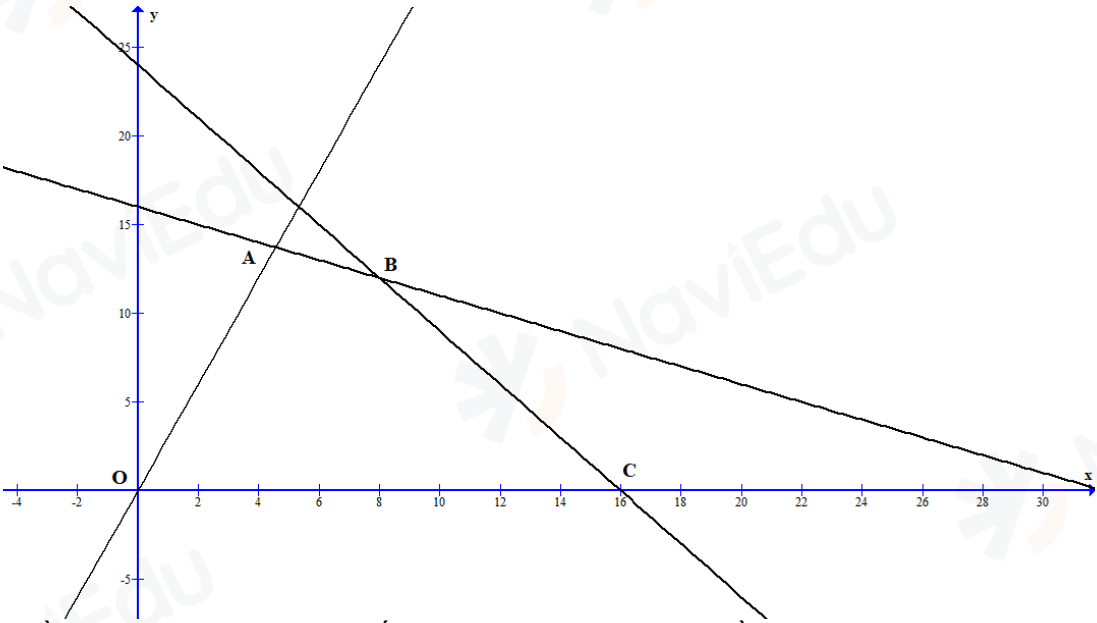
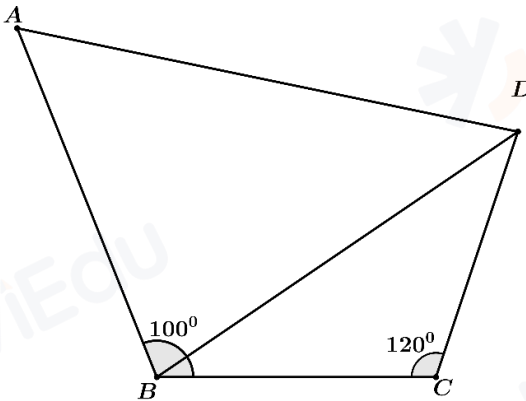
Câu 2: Một nhà máy sản xuất hai kiểu áo trắng và áo đen. Một chiếc áo trắng cần 1,5 giờ cắt áo và 1 giờ hoàn thiện áo. Một chiếc áo đen cần 1 giờ cắt áo và 2 giờ hoàn thiện áo. Tổ cắt áo có 3 công nhân và tổ hoàn thiện áo có 4 công nhân. Biết thị trường tiêu thụ hết sản phẩm của nhà máy và lượng tiêu thụ áo đen không vượt quá 3 lần áo trắng. Biết một công nhân làm việc không quá 8 tiếng một ngày và một áo trắng lãi 15000 đồng, một áo đen lãi 18000 đồng. Hỏi trong một ngày nhà máy cần sản xuất bao nhiêu áo trắng và bao nhiêu áo đen để tiền lãi thu được nhiều nhất?

Câu 3: Người ta định lát gạch tổ ong trên mảnh đất hình tứ giác $ABCD$ như hình vẽ. Biết rằng $AB = 6m$, $BC = CD = 4m$, $\widehat{ABC} = 100^\circ$, $\widehat{BCD} = 120^\circ$ và giá lát gạch là 400 nghìn đồng trên một mét vuông bao gồm cả công thợ. Tính số tiền (đơn vị đồng) để lát gạch cả mảnh đất đó. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị.



ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	Gọi điểm $M(x; y) \Rightarrow \overrightarrow{MA} = (2 - x; -1 - y)$, $\overrightarrow{MB} = (4 - x; 5 - y)$, $\overrightarrow{MC} = (-3 - x; -y)$	0,25
	$\overrightarrow{MA} + 3\overrightarrow{MB} - \overrightarrow{MC} = \vec{0} \Leftrightarrow \begin{cases} 2 - x + 3(4 - x) - (-3 - x) = 0 \\ -1 - y + 3(5 - y) - (-y) = 0 \end{cases}$	0,25
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{17}{3} \\ y = \frac{14}{3} \end{cases} \Rightarrow M\left(\frac{17}{3}; \frac{14}{3}\right)$	0,25
	$OM = \sqrt{\left(\frac{17}{3}\right)^2 + \left(\frac{14}{3}\right)^2} = \frac{\sqrt{485}}{3}$	0,25
Câu 2 (1 điểm)	Gọi x, y (chiếc) là số áo trắng, áo đen do nhà máy sản xuất ($x, y \in \mathbb{N}$) Số giờ làm việc tối đa của tổ cắt áo trong một ngày của nhà máy là $8.3 = 24$ giờ Số giờ làm việc tối đa của tổ hoàn thiện áo trong một ngày của nhà máy là $8.4 = 32$ giờ Số giờ cắt áo trắng và đen trong một ngày là $1,5x + y$ (giờ) Số giờ hoàn thiện áo trắng và đen trong một ngày là $x + 2y$ (giờ)	0,25

	Ta có hệ bất phương trình: $\begin{cases} x \geq 0 \\ y \geq 0 \\ 1,5x + y \leq 24 \\ x + 2y \leq 32 \\ 3x - y \geq 0 \end{cases}$	0,25
	 Miền nghiệm của hệ bất phương trình là miền tứ giác OABC với $O(0;0), A\left(\frac{32}{7}; \frac{96}{7}\right), B(8;12), C(16;0)$	0,25
	Số tiền lãi thu được là $F(x; y) = 15000x + 18000y$ (đồng) Số tiền lãi lớn nhất $F(8;12) = 336000$ (đồng) Vậy nhà máy cần sản xuất 8 áo trắng và 12 áo đen để tiền lãi thu được là nhiều nhất.	0,25
Câu 3 (1 điểm)	 Nối BD, áp dụng định lý côsin trong tam giác BCD ta có: $BD = \sqrt{CD^2 + BC^2 - 2CD \cdot BC \cdot \cos \widehat{BCD}}$ $\Leftrightarrow BD = \sqrt{16 + 16 - 2 \cdot 4 \cdot 4 \cdot \cos 120^\circ} = 4\sqrt{3} \text{ m}.$	0,25
	Tam giác BCD cân tại $C \Rightarrow \widehat{DBC} = 30^\circ \Rightarrow \widehat{ABD} = 70^\circ$. Áp dụng công thức tính diện tích tam giác ta có: $S_{\triangle BCD} = \frac{1}{2} \cdot BC \cdot CD \cdot \sin \widehat{BCD} = \frac{1}{2} \cdot 4 \cdot 4 \cdot \sin 120^\circ = 4\sqrt{3} (m^2).$	0,5

	$S_{\triangle ABD} = \frac{1}{2} \cdot BA \cdot BD \cdot \sin \widehat{ABD} = \frac{1}{2} \cdot 6.4\sqrt{3} \cdot \sin 70^\circ \approx 19,53114(m^2).$ $\Rightarrow S_{ABCD} = S_{\triangle ABD} + S_{\triangle BCD} \approx 26,45934758(m^2).$	
	Số tiền để lát gạch cả mảnh đất đó là: $26,45934758 \cdot 400000 \approx 10583739$ (đồng).	0,25

Xem thêm: ĐỀ THI HK1 TOÁN 10
<https://toanmath.com/de-thi-hk1-toan-10>